

Bản án số: 79/2018/DS-ST

Ngày: 13/6/2018

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thanh Hoàng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Phú;
2. Ông Võ Hoàng Nghiệp.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện viên kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Trong ngày **13 tháng 6 năm 2018** tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2018/TLST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2018/QĐXXST - DSST ngày 23 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Dương Thanh B**, sinh năm: 1975

Cư trú: Tổ 29, ấp Ph, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông **Trần Thanh T**, sinh năm: 1987.

Cư trú: Tổ 3, Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà **Bùi Thị Kim T**, sinh năm: 1985

Cùng cư trú: Tổ 3, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, ông B, ông T có mặt. Riêng bà T vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu không tham gia phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 17/01/2018 với các tài liệu kèm theo và quá trình tố tụng tại tòa, ông Dương Thanh B trình bày:

Vào khoảng tháng 10 năm 2016 ông có cho vợ chồng ông T, bà T vay với số tiền, ban đầu ông đưa cho ông B 5.000.000đ, vay không thỏa thuận lãi suất cụ thể

nhưng ông T hứa với ông mỗi ngày góp cho ông 50.000đ tiền lãi còn vốn thì giữ y. Sau đó, do cần tiền để làm ăn ông vay thêm tiền của ông nhiều lần mỗi lần một số và chính ông đã ghi vào sổ của ông số tiền ông T nợ là 23.000.000đ.

Ngoài ra, vào ngày 17 tháng 3 năm 2017 tại nhà ông H ông có đưa thêm cho ông T số tiền 5.000.000đ và ông T đã nhờ ông H ghi dùm giấy nợ mà ông đã nộp cho Tòa án. Tuy nhiên, ông T không ký tên, ông nói có ông H làm chứng rồi nên khỏi ký. Như vậy, ông xác định là ông T, bà T nợ ông tổng số tiền là 28.000.000đ và đã trả được 2.700.000đ tiền vốn, còn nợ lại 25.300.000đ, còn lãi thì ông T chưa trả cho ông.

Tuy nhiên, nay ông đồng ý giảm nợ cho ông T và đồng ý cho ông T trả cho ông 23.000.000đ và 02 chỉ vàng 18 kra. Tuy nhiên, trả một lần chứ ông T xin trả mỗi tháng là 500.000đ là ông không đồng ý.

Ông xác định là ông chỉ kiện ông T, bà T yêu cầu trả nợ cho ông, chứ ông không yêu cầu ông H, ông H chỉ là người làm chứng và ghi biên nhận nợ dùm cho ông T nên ông yêu cầu Tòa án không cần phải triệu tập ông H tham gia tố tụng.

Ông Trần Thanh T trình bày:

Vào khoảng tháng 6 năm 2016, do cần vốn để làm ăn ông có vay của ông B số tiền ban đầu là 5.000.000đ, góp tiền lãi mỗi ngày 50.000đ, tiền vốn giữ y. Sau đó, vay thêm nhiều lần nữa với tổng số tiền là 23.000.000đ và ông có ký nhận nợ với ông B. Ông xác định là có trả lãi được cho ông B một khoản tiền nhưng bao nhiêu thì không xác định được còn tiền vốn thì trả được 11 ngày, mỗi ngày 300.000đ với số tiền là 3.300.000đ. Việc ông B cho rằng ông nợ ông B tổng số tiền vốn là 28.000.000đ là không đúng. Tuy nhiên, nay ông cũng đồng ý trả cho ông B 23.000.000đ tiền vốn theo yêu cầu của ông B và xin trả mỗi tháng là 500.000đ. Tại phiên tòa ông xin trả cho ông B mỗi tháng là 1.000.000đ cho đến khi dứt nợ.

Ngoài ra, ông cũng có vay của ông B 02 chỉ vàng 18kra, vay không lãi suất. Tiền và vàng này ông và vợ ông - bà T vay để làm ăn kinh tế gia đình nhưng do làm ăn thất bại nên không có khả năng trả lại cho ông B, nên vợ chồng ông xin cùng trả nợ cho ông B.

Bà Bùi Thị Kim T mặc dù đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ để tham gia phiên hòa giải, phiên tòa nhưng bà vẫn không có mặt, nhưng có đơn yêu cầu không tham gia phiên hòa giải, phiên tòa, nghĩ nên cần phải tiến hành việc xét xử vắng mặt bà theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của ông B về việc ông T, bà T phải có trách nhiệm trả cho ông số tiền vốn 23.000.000đ và 02 chỉ vàng 18 kra là có căn cứ pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông T, bà T đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử (HĐXX) xét xử vắng mặt ông, bà theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết “Hợp đồng vay tài sản”. Do tranh chấp hợp đồng dân sự nên Tòa án thụ lý giải quyết theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu – thẩm quyền: Các bên xác định cho vay vào tháng 06/2016, do ông T, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên đến tháng 1/2018, ông B khởi kiện nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015. Ông T cư trú tại ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, theo điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về tư cách người tham gia tố tụng: Trong vụ án này do ông B khởi kiện ông T, nên xác định ông B là nguyên đơn, ông T là bị đơn bà T là vợ của ông T liên quan đến trách nhiệm trả nợ, sẽ tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Ngoài ra, trong đơn khởi kiện ông B xác định ông Trần Văn H là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, vì chính ông H là người đã viết giấy nợ dùm cho ông T. Tại thông báo: “về việc thụ lý vụ án” số 47/TB –TLVA Tòa án cũng đã đưa ông H vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, tại biên vắng mặt ngày 08/5/2018 cũng như tại phiên tòa hôm nay cũng đã xác định trách nhiệm trả nợ là của ông T, bà T và không liên quan gì đến ông H và ông B cũng yêu cầu không đưa ông H vào tham gia tố tụng. Xét thấy không cần thiết đưa ông H vào tham gia tố tụng trong vụ án.

[5] Về nội dung: Hợp đồng vay tài sản giữa các bên được thỏa thuận trên cơ sở sự tự nguyện, bình đẳng và ông T cũng đã ghi biên nhận nợ với ông B nên xem là hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật về mặt hình thức, được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông B, HĐXX xét thấy: Hai bên thống nhất là ông T, bà T còn nợ lại ông B 23.000.000đ và 02 chỉ vàng 18 kra. Đến thời điểm hiện nay ông T, bà T chưa thanh toán nợ cho ông B. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông B là hoàn toàn có căn cứ, nghĩ nên chấp nhận.

Việc các bên không thống nhất với nhau về thời gian thanh toán, ông B yêu cầu trả ngay, còn ông T xin trả mỗi tháng 500.000đ cho đến khi dứt nợ, nội dung này sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án khi án có hiệu lực pháp luật.

Về trách nhiệm trả nợ, ông T, bà T là vợ chồng, việc vay tiền nhằm mục đích phục vụ cho việc làm ăn nuôi sống gia đình nên bà T phải có trách nhiệm liên đới cùng ông T trả nợ cho ông B.

[5] Về án phí: Ông T, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Giá vàng 18 kra tại thời điểm xét xử ngày 13/6/2018 được xác định là 2.500.000đ/ chỉ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 463, 466 điều 288 của Bộ luật dân sự năm 2015:

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Thanh B.

Ông Trần Thanh T phải liên đới trách nhiệm cùng bà Bùi Thị Kim T để trả cho ông Dương Thanh B số tiền 23.000.000đ và 02 chỉ vàng 18 kra (vàng thị trường).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Ông T, bà T phải chịu 1.400.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chi cục thi hành án dân sự huyện A hoàn lại cho ông B 700.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002753 ngày 22/01/2018.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/6/2018) các bên có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

(Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- VKSND An Phú (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS An Phú (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Hoàng

Nơi nhận:

- VKSND An Phú (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS An Phú (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Hoàng